

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
CỔ PHẦN BẢN VIỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 06 năm 2022

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng số 282/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/12/2021)

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành (đầy đủ): **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT**
2. Địa chỉ trụ sở chính: 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
3. Điện thoại: (84-8) 62 679 679 Fax: (84-8) 6263 8668
Website: www.vietcapitalbank.com.vn
4. Vốn điều lệ: 3.670.900.000.000 (Ba nghìn, sáu trăm bảy mươi tỷ, chín trăm triệu đồng chẵn).
5. Mã cổ phiếu: BVB
6. Nơi mở tài khoản thanh toán: Sở Giao dịch Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam
Số hiệu tài khoản: 119989
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0301378892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/10/1992, thay đổi lần thứ 28 ngày 12/05/2021.

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Hoạt động trung gian tiền tệ khác. Mã số: 6419
- Sản phẩm/dịch vụ chính:
 - Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn dưới các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi;
 - Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn; hoạt động bao thanh toán; bảo lãnh ngân hàng;
 - Làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được NHNN cho phép;
 - Phát hành thẻ tín dụng, thẻ ngân hàng;
 - Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, Trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định.

- Và các sản phẩm, dịch vụ khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

8. Giấy phép thành lập và hoạt động : 0025/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 22 tháng 08 năm 1992 .

II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN ĐÃ ĐƯỢC CẤP:

Phương án phát hành trái phiếu ra công chúng tăng vốn cấp 2 năm 2021 – 2022 đã được Hội đồng quản trị BVB thông qua theo Quyết định số 85/21/QĐ-HĐQT ngày 29/11/2021 và được UBCKNN chấp thuận theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng số 282/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/12/2021. Theo đó, số lượng trái phiếu và các đợt phát hành đã được phê duyệt như sau:

Đợt phát hành	Số lượng trái phiếu	Giá trị phát hành (theo mệnh giá)	Ngày phát hành dự kiến	Lãi suất
Đợt 1	15.000.000	1.500.000.000.000 đồng	Quý 4/2021 - Quý 1/2022	8,5%
Đợt 2	3.000.000	300.000.000.000 đồng	Quý 1/2022 - Quý 2/2022	Tối đa 9%
Đợt 3	3.000.000	300.000.000.000 đồng	Quý 2/2022 - Quý 3/2022	Tối đa 9%
Đợt 4	2.000.000	200.000.000.000 đồng	Quý 3/2022	Tối đa 9%
Đợt 5	2.000.000	200.000.000.000 đồng	Quý 4/2022	Tối đa 9%

- Trường hợp các Đợt Chào Bán chưa bán hết số lượng như dự kiến thì số lượng chưa chào bán hết sẽ được chuyển sang Đợt Chào Bán tiếp theo.
- Tổng Giám Đốc hoặc Người được Tổng Giám Đốc ủy quyền quyết định thời gian phát hành, điều chỉnh số đợt phát hành, điều chỉnh số lượng phát hành và thời gian phát hành (nếu có) của từng đợt theo khả năng tiêu thụ của thị trường, đảm bảo không vượt quá tổng số lượng dự kiến chào bán.

BVB đã thực hiện phát hành trái phiếu Đợt 1 và dự kiến triển khai việc phát hành Đợt 2 theo phương án đã được phê duyệt, cụ thể như sau:

- Số lượng trái phiếu được phép phát hành Đợt 1: 15.000.000 trái phiếu
- Số lượng trái phiếu đã phát hành Đợt 1: 8.191.300 trái phiếu
- Số lượng trái phiếu còn lại chưa phát hành Đợt 1: 6.808.700 trái phiếu
- Tổng số lượng trái phiếu dự kiến phát hành Đợt 2 (đã bao gồm số lượng trái phiếu còn lại chưa phát hành của Đợt 1): 9.808.700 trái phiếu
- Lãi suất trái phiếu Đợt 2: 8,6%/năm
- Phương thức phát hành Đợt 2: BVB phát hành trực tiếp thông qua các PGD/CN của BVB.
- Mục đích và kế hoạch sử dụng vốn: Bổ sung vốn cho vay trung - dài hạn dành cho Khách

hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức từ Quý 2/2022.

- Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại: là ngày tròn 18 (mười tám) tháng kể từ Ngày Phát Hành
- Ngày phát hành dự kiến Đợt 2: từ Quý 2/2022 (sau khi được UBCKNN chấp thuận)

III. KẾT QUẢ CÁC ĐỢT CHÀO BÁN TRƯỚC

- Số lượng chứng khoán đã phát hành đợt 1: **8.191.300 trái phiếu**
- Ngày kết thúc đợt chào bán đợt 1: **30/12/2021**
- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: **819.130.000.000 đồng** (Bằng chữ: Tám trăm mười chín tỷ một trăm ba mươi triệu đồng).
- Phương thức phát hành: phát hành trực tiếp thông qua các PGD/CN của BVB.

IV. NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI TRONG BẢN CÁO BẠCH (cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng số 282/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/12/2021)

IV.1 THÔNG TIN TÀI CHÍNH:

1.1 Tỷ lệ từng loại sản phẩm dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận trong 03 năm liên tục 2019, 2020, 2021 và Quý 1/2022.

Bảng 1: Tỷ lệ các SPDV trong Tổng Doanh Thu (Hợp nhất)

Chi tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Quý 1/2022	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
	(Tỷ đồng)		(Tỷ đồng)		(Tỷ đồng)	
Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự	4.324	90,02%	4.587	89,58%	1.286	91,85%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	110	2,30%	144	2,81%	39	2,78%
Thu nhập từ HĐKD ngoại hối	137	2,85%	184	3,60%	58	4,13%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	0%	-	0%	-	0,00%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	178	3,70%	146	2,86%	2	0,16%
Thu nhập từ hoạt động khác	54	1,13%	59	1,15%	15	1,08%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0	0,00%	0	0,01%	-	0,00%
Tổng cộng	4.803	100%	5.120	100%	1.400	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2020, 2021 và BCTC Q1/2022

Bảng 2: Tỷ lệ các SPDV trong Tổng Doanh Thu (Riêng lẻ)

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Quý 1/2022
----------	----------	----------	------------

	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự	4.324	90,03%	4.587	89,59%	1.286	92,30%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	110	2,30%	144	2,81%	39	2,79%
Thu nhập từ HĐKD ngoại hối	137	2,85%	184	3,60%	58	4,15%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	0%	-	0%	-	0,00%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	178	3,70%	146	2,86%	2	0,16%
Thu nhập từ hoạt động khác	53	1,11%	57	1,12%	8	0,60%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	1	0,02%	1	0,03%	-	0,00%
Tổng cộng	4.803	100%	5.119	100%	1.393	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng lẻ năm 2020, 2021 và BCTC Q1/2022

Bảng 3: Tỷ lệ các SPDV trong Thu Nhập thuần (Hợp Nhất)

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Quý 1/2022	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự	1.105	78,02%	1,435	82,78%	418	89,11%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	60	4,25%	71	4,10%	22	4,77%
Thu nhập từ HĐKD ngoại hối	37	2,61%	33	1,90%	19	4,02%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	0%	-	0%	-	0,00%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	164	11,57%	142	8,19%	1	0,24%
Thu nhập từ hoạt động khác	50	3,53%	52	3,02%	9	1,86%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0	0%	-	0,02%	-	0,00%
Tổng cộng	1.416	100%	1,733	100%	469	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2020,2021 và BCTC Q1/2022

Bảng 4: Tỷ lệ các SPDV trong Thu Nhập thuần (Riêng lẻ)

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Quý 1/2022	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ	Giá trị	Tỷ trọng

	(Tỷ đồng)		(Tỷ đồng)	trọng	(Tỷ đồng)	
Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự	1.103	77,97%	1.433	82,76%	418	89,17%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	60	4,26%	71	4,10%	22	4,78%
Thu nhập từ HĐKD ngoại hối	37	2,61%	33	1,90%	19	4,03%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	0%	-	0%	-	0,00%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	164	11,59%	142	8,20%	1	0,24%
Thu nhập từ hoạt động khác	49	3,49%	51	2,97%	8	1,78%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	1	0,07%	1	0,08%	-	0,00%
Tổng cộng	1.414	100%	1.731	100%	469	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng lẻ năm 2020, 2021 và BCTC Q1/2022

1.2 Huy động vốn

- Tình hình huy động vốn: cơ cấu huy động vốn ngày càng hợp lý hơn, BVB không ngừng tăng cường huy động vốn từ thị trường I (huy động vốn từ các Tổ chức và dân cư), đồng thời huy động vốn từ thị trường II ở mức hợp lý.
- Cơ cấu nguồn huy động

Bảng 5: Nguồn vốn huy động (Hợp nhất)

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		Quý 1/2022	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Tiền gửi và vay các TCTD khác	9.346	17%	14.740	21%	14.768	21%
Tiền gửi của khách hàng	41.373	74%	45.245	64%	46.833	65%
Phát hành giấy tờ có giá	5.223	9%	10.58	15%	10.098	14%
Tổng cộng	55.942	100%	70.56	100%	71.700	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2020, 2021 và BCTC Q1/2022

Bảng 6: Nguồn vốn huy động (Riêng lẻ)

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		Quý 1/2022	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Tiền gửi và vay các TCTD khác	9.346	17%	14.74	21%	14.768	21%
Tiền gửi của khách hàng	41.506	74%	45.379	64%	46.967	65%

Phát hành giấy tờ có giá	5.223	9%	10.577	15%	10.098	14%
Tổng cộng	56.076	100%	70.696	100%	71.834	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng lẻ năm 2020, 2021 và BCTC Q1/2022

- Cơ cấu nguồn huy động trong và ngoài nước

Bảng 7: Cơ cấu nguồn huy động trong và ngoài nước

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chi tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Quý 1/2022	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Trong nước	56.076	100%	70.696	100%	71.834	100%
Ngoài nước	-	0%	-	0%	-	0%
Tổng cộng	56.076	100%	70.696	100%	71.834	100%

Trong những năm gần đây, do ảnh hưởng biến động kinh tế thế giới, tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn. Công tác huy động vốn tại các TCTD bị ảnh hưởng nhất định, trước tình hình này, BVB đã đưa ra nhiều chính sách cho phù hợp với từng thời kỳ nhằm khuyến khích tăng trưởng huy động, trong đó tập trung chú trọng tăng trưởng huy động từ các Doanh nghiệp và dân cư, đồng thời theo hướng phân tán khách hàng rộng hơn.

Huy động vốn của BVB chủ yếu là huy động từ TCKT và dân cư, chiếm hơn 60% tổng vốn huy động trong các năm 2020 và 2021. Đây là nguồn vốn ổn định, tăng trưởng qua các năm, đủ để đáp ứng vốn sử dụng cho tăng trưởng tín dụng và đảm bảo thanh khoản. BVB đã triển khai nhiều chương trình khuyến mãi, phát triển thêm nhiều sản phẩm, dịch vụ nhằm thu hút nguồn tiền gửi từ dân cư.

1.3 Hoạt động tín dụng:

Trong những năm gần đây, thương hiệu và hình ảnh của BVB đang dần được nhiều người biết đến, với việc mở rộng thị phần cho vay thông qua các mạng lưới hoạt động trải dài từ Bắc vào Nam, các điểm giao dịch đặt tại các địa bàn trọng yếu, tận dụng các thế mạnh về lãi suất và thời gian hoàn tất hồ sơ vay cho khách hàng để tăng doanh thu và mở rộng thị phần. Bên cạnh đó, BVB cũng thường xuyên rà soát, quan tâm và chăm sóc các khách hàng có uy tín để duy trì mối quan hệ tốt với các khách hàng và qua đó đạt được mức tăng trưởng về dư nợ tín dụng trên cơ sở đảm bảo an toàn chất lượng của khoản vay. Công tác kiểm tra nội bộ được tiến hành thường xuyên nên đã kịp thời bổ sung, chấn chỉnh các thiếu sót về hoạt động tín dụng trong toàn hệ thống.

- Theo thời hạn:

Bảng 8: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		Quý 1/2022	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	21.899	55%	25.829	56%	28.928	58%
Nợ Trung hạn	5.085	13%	5.73	12%	5.462	11%
Nợ dài hạn	12.848	32%	14.83	32%	15.168	31%
Tổng cộng	39.832	100%	46.389	100%	49.558	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2020,2021 và BCTC Q1/2022

Tổng dư nợ cho vay của BVB đạt mức tăng trưởng qua từng năm, tăng trưởng năm 2020 là 17%, năm 2021 là 16%.

- Theo nhóm nợ:

Bảng 9: Dư nợ cho vay khách hàng theo nhóm nợ

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		Quý 1/2022	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	38.353	96,3%	4.463	96,20%	47.425	95,70%
Nợ cần chú ý	368	0,9%	583	1,30%	932	1,88%
Nợ dưới tiêu chuẩn	134	0,3%	166	0,40%	111	0,22%
Nợ nghi ngờ	218	0,5%	186	0,40%	235	0,47%
Nợ có khả năng mất vốn	760	1,9%	824	1,80%	855	1,72%
Tổng cộng	39.833	100%	46.389	100%	49.558	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2020,2021 và BCTC Q1/2022

- Tình hình hoạt động tín dụng

Trong giai đoạn vừa qua, BVB tập trung mở rộng mạng lưới hoạt động, triển khai công tác tiếp thị và quảng bá thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, chú trọng đến chất lượng phục vụ, thời gian xử lý hồ sơ cho vay đảm bảo nhanh chóng nên đã góp phần đẩy nhanh dư nợ cho vay của ngân hàng. Dư nợ cho vay từ 33.995 tỷ đồng vào cuối năm 2019 lên 39.833 tỷ năm 2020. Năm 2021, dư nợ cho vay của BVB tăng 16.5% so với năm 2020. Tính đến 31/03/2022 dư nợ cho vay của BVB là 49.558 tỷ đồng.

Chất lượng tín dụng luôn được BVB ưu tiên và kiểm soát chặt chẽ, tuân thủ quy định của pháp luật và các giới hạn an toàn theo quy định của NHNN bằng những giải pháp quyết liệt và đồng bộ. Nhờ quy mô tăng trưởng tốt, cơ cấu chuyển dịch tích cực đi cùng với kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, hiệu quả từ hoạt động tín dụng tiếp tục được nâng cao đóng góp quan trọng trong kết quả kinh doanh chung của ngân hàng.

Mặc dù tỷ lệ nợ xấu qua các năm duy trì ở mức 2.5% nhưng BVB vẫn tích cực xử lý nợ xấu và

đã tắt toán trước hạn các món dự nợ xấu đã bán VAMC trước đây, qua đó góp phần lành mạnh hóa bảng cân đối và nâng cao năng lực tài chính, từng bước kiểm soát chất lượng tín dụng và bảo đảm tuân thủ các giới hạn an toàn theo quy định NHNN. Ngoài ra, BVB chủ động cơ cấu nợ tổng thể cho các khách hàng nhằm đảm bảo cho khách hàng có thể tiếp tục duy trì hoạt động, cũng như phục hồi phát triển trở lại trong thời gian tới.

Bảng 10: Dư nợ cho vay qua các năm và tỷ lệ an toàn hoạt động

Đơn vị: tỷ đồng

Khoản mục	31/12/2020	31/12/2021	Quý 1/2022
Tổng dư nợ cho vay	39.833	46.389	49.558
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	9,27%	10,86%	11,50%
Tỷ lệ nợ quá hạn	3,7%	3,8%	4,3%
Tỷ lệ nợ xấu	2,8%	2,5%	2,4%
Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi	71,8%	66,5%	80,4%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung dài hạn	21,0%	22,1%	18,84%

Nguồn: Ngân hàng Bản Việt

1.4 Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán quốc tế

BVB đang triển khai thực hiện các dịch vụ thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế nhưng do nguyên nhân khách quan dẫn đến hoạt động thanh toán tín dụng thư xuất nhập khẩu và công tác chuyển tiền còn chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu hoạt động của BVB. Cùng với sự phát triển về quy mô, mạng lưới hoạt động, hạ tầng công nghệ và chất lượng nhân sự...đến nay, BVB đã và đang cung cấp đầy đủ và đa dạng các sản phẩm cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp như thanh toán quốc tế, chuyển đổi ngoại tệ.

Bảng 11: Doanh số kinh doanh ngoại tệ

Đơn vị: tỷ đồng

Kinh doanh ngoại tệ	31/12/2020	31/12/2021	Quý 1/2022
Mua	12.813	18.449	4.598
Bán	12.840	18.505	4.575

Nguồn: Ngân hàng Bản Việt

Mối quan hệ với khách hàng truyền thống được BVB duy trì và quan tâm phát triển, bên cạnh

việc tìm kiếm khách hàng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như quảng cáo, băng rôn, tờ rơi, internet... và liên hệ giới thiệu dịch vụ cho khách hàng. Các điểm giao dịch cũng không ngừng tăng cường khai thác tiềm năng, mở rộng thị phần thanh toán của ngân hàng. BVB đã tổ chức bán các loại ngoại tệ cho hoạt động thanh toán của Ngân hàng. Ngoài ra, BVB cũng đã tổ chức khai thác nguồn vốn trên thị trường liên ngân hàng để bổ sung nguồn vốn hoạt động của Ngân hàng.

1.5 Hoạt động đầu tư tài chính

Để đa dạng cơ cấu tài sản có, đồng thời tăng nguồn thu và tính thanh khoản cho ngân hàng, BVB đã sử dụng một phần vốn tự có tăng lên trong năm tạm thời chưa sử dụng hết để đầu tư trái phiếu Chính Phủ, Trái phiếu của TCTD ...và các loại chứng khoán, giấy tờ có giá khác.

Bảng 12 : Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị: tỷ đồng

Đầu tư tài chính	31/12/2020	31/12/2021	Quý 1/2022
Trái phiếu chính phủ	3.391	7.426	8.009
Trái phiếu do TCTD khác trong nước phát hành	1.018	1.598	1.498
Trái phiếu do TCKT trong nước phát hành	288	20	20
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	11	8	8
Tổng cộng	4.709	9.051	9.535

Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2020,2021 và BCTC Q1/2022

1.6 Tài sản

Tài sản cố định hữu hình:

Bảng 13: Tài sản cố định hữu hình (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Danh mục	31/12/2020		31/12/2021		Quý 1/2022	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	200	185	200	181	200	180
Máy móc thiết bị	185	102	234	131	237	128
Phương tiện vận chuyển	131	73	146	75	151	76
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3	1	3	1	3	1
Tài sản cố định hữu hình khác	37	23	45	28	47	29

Tổng cộng	556	384	628	417	638	415
------------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------

Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2020,2021 và BCTC Q1/2022

Bảng 14: Tài sản cố định hữu hình (Riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

Danh mục	31/12/2020		31/12/2021		Quý 1/2022	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	200	185	200	181	200	180
Máy móc thiết bị	185	102	234	131	237	128
Phương tiện vận chuyển	131	73	146	75	151	76
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3	1	3	1	3	1
Tài sản cố định hữu hình khác	37	23	45	28	47	29
Tổng cộng	556	384	628	417	638	415

Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng lẻ năm 2020, 2021 và BCTC Q1/2022

Tài sản cố định vô hình:

Bảng 15: Tài sản cố định vô hình (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Danh mục	31/12/2020		31/12/2021		Quý 1/2022	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	771	749	677	651	677	301
Phần mềm máy vi tính	253	129	301	159	650	155
Tổng cộng	1.024	878	978	810	1,327	456

Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2020,2021 và BCTC Q1/2022

Bảng 16: Tài sản cố định vô hình (Riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

Danh mục	31/12/2020		31/12/2021		Quý 1/2022	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	771	749	677	651	677	301
Phần mềm máy vi tính	253	129	301	159	650	155

Tổng cộng	1.024	878	978	810	1,327	456
------------------	--------------	------------	------------	------------	--------------	------------

Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng lẻ năm 2020, 2021 và BCTC Q1/2022

1.7 KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH:

1.7.1 Kết quả kinh doanh:

Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành:

Bảng 17: Các chỉ tiêu kinh doanh chính

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/giảm 2021/2020	Quý 1/2022
- Tổng giá trị tài sản	61.102	76.511	25%	77.676
- Thu nhập lãi thuần	1.105	1.435	30%	418
- Tổng thu nhập hoạt động	1.416	1.733	22%	469
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	548	682	24%	169
- Lợi nhuận trước thuế	201	311	55%	174
- Lợi nhuận sau thuế	161	249	55%	139
- Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức	-	-	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2020,2021 và BCTC Q1/2022

Bảng 18: Các chỉ tiêu kinh doanh riêng lẻ

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/ giảm 2021/2020	Quý 1/2022
- Tổng giá trị tài sản	61.202	76.612	25%	77.775
- Thu nhập lãi thuần	1.103	1.433	30%	418
- Tổng thu nhập hoạt động	1.414	1.731	22%	469
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	548	682	24%	168

- Lợi nhuận trước thuế	201	311	55%	173
- Lợi nhuận sau thuế	161	249	55%	138
- Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức	-	-	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng lẻ năm 2020,2021 và BCTC Q1/2022

Năm 2021, BVB đã hoàn thành xuất sắc các mục tiêu kinh doanh, với kết quả ấn tượng của một số chỉ tiêu tài chính hợp nhất cơ bản như sau: Tổng tài sản của BVB đến 31/12/2021 đạt xấp xỉ 76.511 tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kì năm 2020. Hiệu quả kinh doanh được cải thiện mạnh mẽ, LNTT và LNST năm 2021 của BVB lần lượt đạt mức tăng trưởng cao 55% và 55% so với năm 2020; tương ứng đạt 311 tỷ và 249 tỷ đồng.

1.7.2 Tình hình tài chính:

Các chỉ tiêu cơ bản:

▪ Tình hình công nợ:

Bảng 19: Tình hình công nợ (hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	Quý 1/2022
- Tổng giá trị tài sản có	61.102	76.511	77.6s76
- Tổng nợ phải trả	57.211	71.872	72.896

Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2020,2021 và BCTC Q1/2022

Bảng 20: Tình hình công nợ (riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	Quý 1/2022
- Tổng giá trị tài sản có	61.202	76.612	77.775
- Tổng nợ phải trả	57.345	72.006	73.030

Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng lẻ năm 2020,2021 và BCTC Q1/2022

▪ Trái phiếu chưa đáo hạn

Bảng 21: Trái phiếu chưa đáo hạn tại ngày 31/03/2022

Đơn vị: tỷ đồng

Mã trái phiếu	Giá trị phát hành (theo mệnh giá)	Lãi suất/năm	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Kỳ trả lãi
BVB121034	819,13	8,5%	7 năm	30/12/2021	Định kỳ 12 tháng
TPRL012020	697,5	8,2%	6 năm	Từ ngày 04/11/2020 đến 07/01/2021	Định kỳ 12 tháng

BV2020_0411	1.000,0	6,0%	3 Năm	04/11/2020	Định kỳ 12 tháng
BVBLH2128001	50,0	7,6%	7 năm	02/08/2021	Định kỳ 12 tháng
BVBLH2128002	50,0	7,6%	7 năm	05/08/2021	Định kỳ 12 tháng
BVBLH2128003	100,0	7,8%	7 năm	27/08/2021	Định kỳ 12 tháng
BVBLH2128004	100,0	8,2%	7 năm	18/11/2021	Định kỳ 12 tháng
BVBLH2124005	1.000,0	6,0%	3 năm	17/12/2021	Định kỳ 12 tháng
BVBLH2128006	230,0	0.085	7 năm	29/12/2021	Định kỳ 12 tháng
BVBLH2229001	200,0	0.086	7 năm	14/01/2022	Định kỳ 12 tháng
BVBL2229002	100,0	0.086	7 năm	04/03/2022	Định kỳ 12 tháng
BVBL2229003	150,0	0.086	7 năm	08/03/2022	Định kỳ 12 tháng
BVBL2229004	100,0	0.086	7 năm	24/03/2022	Định kỳ 12 tháng

Nguồn: Ngân hàng Bản Việt

▪ Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 22: Các khoản phải nộp theo luật định (hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu cuối kỳ	31/12/2020	31/12/2021	Quý 1/2022
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7,93	(14,83)	19,94
- Thuế giá trị gia tăng	3,57	1,44	1,32
- Các thuế khác	0,05	0,09	0,22
- Phí và lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	1,62	2,37	1,78
Tổng cộng	13,18	(10,93)	23,26

Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2020, 2021 và BCTC Q1/2022

Bảng 23: Các khoản phải nộp theo luật định (riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu cuối kỳ	31/12/2020	31/12/2021	Quý 1/2022
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	8,00	(14,90)	19,75
- Thuế giá trị gia tăng	3,59	1,46	1,31
- Các thuế khác	0,05	0,09	0,22
- Phí và lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	1,62	2,37	1,78
Tổng cộng	13,27	(10,99)	23,06

Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng lẻ năm 2020, 2021 và BCTC Q1/2022

Ngân hàng TMCP Bản Việt hoàn thành đầy đủ tất cả nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước trong năm 2020, 2021 và Quý 1/ 2022.

▪ Trích lập các quỹ

Bảng 24: Trích lập các quỹ (hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu cuối kỳ	31/12/2020	31/12/2021	Quý 1/2022
- Quỹ đầu tư phát triển	1,56	1,56	1,56
- Quỹ dự phòng tài chính	125,88	141,98	141,98
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	63,63	71,69	71,68
- Quỹ khác	1,29	1,29	1,29
Tổng cộng	192,36	216,52	216,51

Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2020, 2021 và BCTC Q1/2022

Bảng 25: Trích lập các quỹ (riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu cuối kỳ	31/12/2020	31/12/2021	Quý 1/2022
- Quỹ đầu tư phát triển	1,56	1,56	1,56
- Quỹ dự phòng tài chính	103,95	119,93	119,93
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	52,66	60,66	60,66
- Quỹ khác	1,29	1,29	1,29
Tổng cộng	159,46	183,44	183,44

Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng lẻ năm 2020, 2021 và BCTC Q1/2022

Ngân hàng Bản Việt thực hiện đúng và đầy đủ việc trích lập các Quỹ theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP và theo phê duyệt Đại hội đồng cổ đông.

- Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có

1.7.3 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng 26: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	31/12/2020	31/12/2021	Quý 1/2022	31/12/2020	31/12/2021	Quý 1/2022
1. Chỉ tiêu về vốn						
- Vốn điều lệ	3.171	3.671	3.671	3.171	3.671	3.671
- Vốn tự có	4.726	6.833	7.267	4.693	6.8	7.233

- Tỷ lệ an toàn vốn	9,3%	10,86%	11,50%	9,18%	10,79%	11,41%
2. Chất lượng tài sản						
- Tỷ lệ nợ quá hạn	3,70%	3,79%	4,3%	3,70%	3,79%	4,3%
- Tỷ lệ nợ xấu	2,80%	2,53%	2,4%	2,80%	2,53%	2,4%
- (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản (TTS)	83,0%	80,0%	81%	77,0%	79,9%	81%
- Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	92,9%	98,33%	98,06%	92,9%	95,2%	94,94%
3. Khả năng thanh khoản						
- Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/TTS bình quân	N/a	N/a	10,5%	13,0%	14,2%	10,5%
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	N/a	N/a	18,84%	21,0%	18,2%	18,78
- Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	N/a	77,3%	80,4%	71,8%	77,2%	80,3%
4. Kết quả hoạt động kinh doanh						
- Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	5,3%	6,7%	3,6%	5,3%	6,8%	3,6%
- Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	0,4%	0,41%	0,22%	0,4%	0,41%	0,22%
- Thu nhập lãi cận biên (NIM)	2,1%	2,5%	3,8%	2,1%	2,5%	3,8%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA)	0,3%	0,3%	0,2%	0,3%	0,3%	0,2%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	0,3%	0,4%	0,2%	0,3%	0,4%	0,2%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	4,1%	5,4%	2,9%	4,2%	5,4%	2,9%
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	4,3%	5,8%	3,2%	4,3%	5,9%	3,2%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	507	678	378	507	678	191
- Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	8%	8%	8%	8%	8%	8%
- Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận	29,9%	22,8%	12,9%	29,9%	22,8%	12,9%

trước thuế						
------------	--	--	--	--	--	--

Nguồn: Ngân hàng Bản Việt

1.7.4 Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận:

Bảng 27: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 2022

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	
	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước
Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh	2.117	22%
Lợi nhuận sau thuế	384	54%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Thu nhập lãi thuần	22%	26%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	7,20%	22%
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc cổ tức	0	0

Nguồn: Ngân hàng Bản Việt

✦ **Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 2022:**

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2022 đã được Hội đồng quản trị phê duyệt theo định hướng hoạt động kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.

✦ **Cơ sở để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:**

Trong năm 2022, BVB tiếp tục thực hiện mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ đa năng, hiện đại. Các sản phẩm huy động, tín dụng sẽ tiếp tục được phát triển theo định hướng phân khúc khách hàng nhỏ lẻ, doanh nghiệp SMEs, tăng trưởng mạnh số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ trên kênh ngân hàng điện tử. Kế hoạch hành động cụ thể như sau:

- Tài chính:
 - ✓ Gia tăng thu phí dịch vụ, phí ngoài lãi là một trong những mục tiêu chính
 - ✓ Quản lý sử dụng chi phí hiệu quả với mục tiêu chỉ số Chi phí /Thu nhập (CIR) dưới 70%
- Phát triển mạng lưới: tiếp tục thực hiện mở rộng mạng lưới và phát triển thương hiệu, trình Ngân hàng Nhà nước xem xét thành lập mở mới 15 điểm giao dịch, nâng tổng số mạng lưới giao dịch toàn quốc lên 131 điểm trong năm 2022.
- Khách hàng Cá nhân:

- ✓ Đặt khách hàng là trọng tâm: phát triển hệ khách hàng tại các kênh truyền thống; Tăng cường phát triển hệ khách hàng qua các kênh đối tác Fintechs
- ✓ Huy động vốn: Cơ cấu kỳ hạn để cải thiện nguồn vốn giá rẻ; Đặt trải nghiệm của khách hàng lên trên hết. Từ đó, ưu tiên các sản phẩm, dịch vụ tính năng trên thiết bị di động.
- ✓ Quản lý danh mục: Ban hành chính sách/lãi suất linh hoạt theo danh mục sản phẩm; địa bàn phù hợp định hướng rủi ro.
- Khách hàng doanh nghiệp:
 - ✓ Linh hoạt áp dụng các biện pháp như cơ cấu lại nợ, tiếp tục cho vay... để đồng hành cùng Khách hàng qua dịch bệnh Covid.
 - ✓ Phân đoạn nhỏ, định vị lại SME thông qua các sản phẩm/chương trình phù hợp với từng địa phương.
 - ✓ Ứng dụng công nghệ trực tuyến Mobile Banking, Internet Banking và cung cấp các dịch vụ trên nền tảng Open Banking để thay đổi trải nghiệm thực tế, nâng cao sự thuận tiện cho khách hàng.
- Ngân hàng số: Tiếp tục phối hợp với các đối tác Fintechs lớn để khai thác thị trường:
 - ✓ Dịch vụ thu hộ/chị hộ Open API
 - ✓ Dịch vụ gửi tiết kiệm Online, vay, thẻ tín dụng trên kênh của đối tác Fintechs...
 - ✓ Phát triển ngân hàng số Timo.

IV.2. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1.1 Thông tin chứng khoán đang lưu hành:

Bảng 28: Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tại 31/03/2021

Danh mục	Số lượng cổ đồng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Tổng số cổ phiếu phổ thông	15.561	367.090.000	100%
Tổng cổ đồng trong nước:	15.529	366.629.328	99,87%
- Cổ đồng là Tổ chức trong đó:	26	31.156.266	8,49%
+ NHNN (Cổ đồng Nhà Nước)	0	0	0
+ Công đoàn của BVB	1	763	0,000207%
+ Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0

+ Các tổ chức khác	25	31.155.503	8,49%
- Cổ đông là Cá nhân	15.503	335.473.062	91,38%
Tổng cổ đông nước ngoài:	32	460.672	0,13%
- Cổ đông là Tổ chức trong đó:	1	100	0,000027%
+ Cổ đông chiến lược			
+ Các tổ chức khác	1	100	0,000027%
- Cổ đông là Cá nhân	31	460.572	0,13%

Nguồn: Ngân hàng Bản Việt

Bảng 29: Số lượng chứng khoán khác đang lưu hành tại ngày 31/03/2022

Đơn vị: Tỷ đồng

Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá	Lãi suất/năm	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Ngày thực hiện quyền mua lại	Đặc điểm loại trái phiếu
BVB121034	819,13	8,5%	7 năm	30/12/2021	30/12/2028	30/03/2023	Trái phiếu nợ thứ cấp
TPRL012020	697,5	8,2%	6 năm	Từ ngày 04/11/2020 đến 07/01/2021	Từ ngày 04/11/2026 đến 07/01/2027	Từ ngày 07/02/2022 đến 08/04/2022	Trái phiếu nợ thứ cấp
BV2020_0411	1.000,0	6,0%	3 Năm	04/11/2020	04/11/2023	Không mua lại	Trái phiếu thường
BVBLH2128001	50,0	7,6%	7 năm	02/08/2021	02/08/2028	02/11/2022	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBLH2128002	50,0	7,6%	7 năm	05/08/2021	05/08/2028	05/11/2022	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBLH2128003	100,0	7,8%	7 năm	27/08/2021	27/08/2028	27/11/2022	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBLH2128004	100,0	8,2%	7 năm	18/11/2021	18/11/2028	18/02/2023	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBLH2124005	1.000,0	6,0%	3 năm	17/12/2021	17/12/2024	Không mua lại	Trái phiếu thường
BVBLH2128006	230,0	8,50%	7 năm	29/12/2021	29/12/2028	29/03/2023	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBLH2229001	200,0	8,60%	7 năm	14/01/2022	14/01/2029	14/04/2023	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBL2229002	100,0	8,60%	7 năm	04/03/2022	04/03/2029	04/06/2023	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBL2229003	150,0	8,60%	7 năm	08/03/2022	08/03/2029	08/06/2023	Trái phiếu nợ thứ cấp
BVBL2229004	100,0	8,60%	7 năm	24/03/2022	24/03/2029	24/06/2023	Trái phiếu nợ thứ cấp

Nguồn: Ngân hàng Bản Việt

1.2 Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành:

Bảng 30: Thị phần của BVB so với toàn ngành ngày tại thời điểm 31/03/2022

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu hợp nhất (31/03/2022)	Tổng tài sản	Dư nợ cho vay	Tiền gửi của khách hàng
BVB	77.676	49.558	56.932
Thị phần BVB so với toàn ngành	0,52%	0,46%	0,42%

Nguồn: Ngân hàng Bản Việt tổng hợp

1.3 Chiến lược kinh doanh:

Trong năm 2022, BVB tiếp tục thực hiện mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ đa năng, hiện đại.

Các sản phẩm huy động, tín dụng sẽ tiếp tục phát triển theo định hướng phân khúc khách hàng nhỏ lẻ, doanh nghiệp SMEs, tăng trưởng mạnh số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ kênh ngân hàng điện tử, với chiến lược chi tiết như sau:

- Phát triển mạng lưới: tiếp tục thực hiện mở rộng mạng lưới và phát triển thương hiệu, trình Ngân hàng Nhà nước xem xét thành lập mở mới 15 điểm giao dịch, nâng tổng số mạng lưới giao dịch toàn quốc lên 131 điểm trong năm 2022.
- Khách hàng cá nhân
 - ✓ Đặt khách hàng là trọng tâm, phát triển khách hàng tại kênh truyền thống đồng thời tăng cường phát triển hệ khách hàng mới qua các kênh đối tác Fintechs;
 - ✓ Huy động vốn tập trung đến trải nghiệm khách hàng lên trên hết. Từ đó, ưu tiên các sản phẩm dịch vụ, tính năng trên thiết bị di động.
 - ✓ Cơ cấu kỳ hạn để cải thiện nguồn vốn giá rẻ.
- Khách hàng doanh nghiệp:
 - ✓ Linh hoạt áp dụng các biện pháp như cơ cấu lại nợ, tiếp tục cho vay để đồng hành cùng Khách hàng qua dịch bệnh Covid.
 - ✓ Phân đoạn nhỏ, định vị lại SME thông qua các sản phẩm/chương trình phù hợp với từng địa phương.
 - ✓ Ứng dụng công nghệ trực tuyến Mobile Banking, Internet Banking và cung cấp các dịch vụ trên nền tảng Open Banking để thay đổi trải nghiệm thực tế, nâng cao sự thuận tiện cho khách hàng.
- Ngân hàng số: Tiếp tục phối hợp với các đối tác Fintechs lớn để khai thác thị trường.

Bảng 31: Các chỉ tiêu kinh doanh chính trong 2022*Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Tỷ lệ tăng trưởng
Tổng Tài sản	97.000	76.511	27%
Huy động khách hàng	71.200	55.956	27%
Dư nợ cấp tín dụng	53.400	46.409	16%
Lợi nhuận trước thuế	450	311	44%
Tỷ lệ nợ xấu	<3%	2,53%	
Phát triển mạng lưới	131	88	49%

Nguồn: Ngân hàng Bán Việt

Nguồn vốn và nguồn lực của BVB đều được triển khai đồng bộ nhằm tăng cường tối đa trên cả 3 khía cạnh như sau:

- **Đối với nguồn vốn:** trong kế hoạch tăng vốn dài hạn của giai đoạn 2021-2022, dự kiến BVB sẽ tăng vốn tự có khoảng 1.618 tỷ đồng, thực hiện vào năm 2022, bao gồm:
 - Tăng vốn điều lệ theo chương trình phát hành cổ phần cho người lao động lần 2, với tổng mệnh giá phát hành gần 150 tỷ đồng.
 - Tăng vốn điều lệ theo hình thức phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu, với tổng mệnh giá phát hành gần 917,7 tỷ đồng.
 - Vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn tất năm 2022 là 5.289 tỷ đồng.
- **Đối với nguồn lực nhân sự:** BVB xây dựng chiến lược nhân sự và hoàn thiện mô hình tổ chức nhằm đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân lực cả về số lượng và chất lượng để thực hiện chiến lược và mục tiêu kinh doanh của BVB, đảm bảo hiệu quả hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành cũng như thông lệ quốc tế. Trong quý 1/2022, Ngân hàng có 2.213 nhân viên. Số cán bộ công nhân viên tại thời điểm 31/12/2021 là 2.082 nhân viên, tăng tương ứng 13% so với cùng kỳ năm 2020 (1.843 nhân viên).
- **Đối với nguồn lực Công nghệ thông tin:** BVB đang thực hiện số hóa hoạt động ngân hàng và ứng dụng tự động hoá. Bên cạnh đó BVB đã chính thức ra mắt Ngân hàng số DIGIMI thay thế cho ứng dụng cũ nhằm gia tăng trải nghiệm khách hàng và nâng cao khả năng bảo mật thông tin khách hàng.

1.4 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành:

Bảng 34: Cam kết chưa thực hiện của Tổ chức phát hành tại thời điểm 31/03/2022

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	Quý 1/2022
Trái phiếu chưa đáo hạn	1.608,0	4.046,6	4.274,1

Nguồn: Ngân hàng Bản Việt

Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và cam kết đưa ra tại thời điểm 31/03/2022 của BVB như sau:

Bảng 35: Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và cam kết đưa ra

ĐVT: tỷ đồng

Khoản mục	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	Năm 2020	Năm 2021	Quý 1/2022	Năm 2020	Năm 2021	Quý 1/2022
I.Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	1.499	1.432	1.410	1.499	1.432	1.410
1.Bảo lãnh vay vốn	131	1	1	131	1	1
2.Cam kết trong nghiệp vụ L/C	118	146	243	118	146	243
3.Bảo lãnh khác	1.25	1.285	1.166	1.25	1.285	1.166
II.Các cam kết đưa ra	27.788	6.784	20.364	27.788	6.784	20.364
1.Cam kết tài trợ cho khách hàng	-	-	-	-	-	-
2.Cam kết khác	27.788	6.784	20.364	27.788	6.784	20.364

Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất và Riêng lẻ năm 2020,2021 và BCTC Q1/2022

1.5 Thông tin thay đổi thành viên Hội đồng quản trị

BVB đã thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Vương Công Đức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2022.

1.6 Thông tin về tình hình sử dụng vốn Đợt 1 đến thời điểm hiện tại:

Tổng giá trị trái phiếu BVB đã phát hành trong Đợt 1 là 819,1 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 20/06/2022, BVB đã sử dụng 586 tỷ đồng trong tổng giá trị trái phiếu đã phát hành Đợt 1 để bổ sung vốn cho vay trung - dài hạn dành cho Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức, phù hợp với mục đích phát hành đã được Hội đồng quản trị thông qua. Trong thời gian tới, BVB sẽ tiếp tục sử dụng nguồn vốn còn lại chưa sử dụng nêu trên theo đúng mục đích phát hành và thực hiện công tác kiểm toán mục đích sử dụng vốn theo các quy định của pháp luật.

IV.3 THÔNG TIN VỀ VIỆC CHÀO BÁN ĐỢT 2:

Các nội dung được trình bày dưới đây là các thông tin, các điều khoản và điều kiện về trái phiếu theo phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của BVB. Với việc mua, nhận chuyển quyền sở hữu, hoặc bằng cách khác đối với trái phiếu và trở thành chủ sở hữu trái phiếu, người sở hữu trái phiếu được xem là đã hiểu và đồng ý với tất cả các nội dung, quy định và chịu sự ràng buộc của các quy định có liên quan tại Bản cáo bạch này và phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của BVB.

1. Tên trái phiếu:

- Trái phiếu BVB phát hành ra công chúng năm 2021–2022 (Đợt 2)

2. Loại trái phiếu:

Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được đảm bảo bằng tài sản của Tổ Chức Phát Hành, được phát hành và thanh toán bằng Việt Nam Đồng và thỏa các điều kiện để được tính vào Vốn cấp 2 theo các quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN và các quy định pháp luật hiện hành; và thỏa mãn các Điều khoản Điều kiện quy định cụ thể dưới đây:

- Tổ chức phát hành có thể mua lại trước hạn tối đa 100% khối lượng Trái phiếu đã phát hành kể từ Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc tại ngày mua lại khác phù hợp với điều kiện, điều khoản trái phiếu. Số tiền thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu khi BVB thực hiện việc mua lại, bao gồm: 100% mệnh giá và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán sau khi đã khấu trừ thuế thu nhập cá nhân (đối với cá nhân) và các phí có liên quan (nếu có) theo biểu phí dịch vụ của Tổ Chức Phát Hành trong từng thời kỳ.
- Thanh toán tiền lãi phát sinh trong trường hợp TCPH mua lại trái phiếu trước hạn được quy định tại Mục VI.8 Bản cáo bạch này **“Kỳ hạn trả lãi, trả gốc trái phiếu”**
- Trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ.
- Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không được đảm bảo bằng Tài sản của Tổ Chức Phát Hành. Trong trường hợp thanh lý Tổ Chức Phát Hành, Người Sở Hữu Trái phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ chức Phát hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác, Các Trái phiếu phát hành cùng một Đợt Phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái phiếu nào.
- Tổ chức phát hành được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả trong năm kinh doanh bị lỗ.
- Trong thời hạn lưu hành của Trái phiếu, Người Sở Hữu Trái phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác

- Tổ chức phát hành chỉ được mua lại, trả nợ trước thời gian đáo hạn với điều kiện sau khi thực hiện việc mua lại, Tổ chức Phát hành vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định và báo cáo NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để giám sát.

3. Mệnh giá:

Mệnh giá Trái phiếu: 100.000 VND (Một trăm nghìn đồng)/Trái phiếu

4. Tổng số lượng trái phiếu chào bán Đợt 2:

Đợt phát hành	Số lượng trái phiếu	Giá trị phát hành (theo mệnh giá)	Ngày phát hành dự kiến
Đợt 2	9.808.700	980.870.000.000 đồng	Quý 2/2022

Ghi chú: số trái phiếu chào bán Đợt 2 đã bao gồm 6.808.700 trái phiếu còn lại chưa bán hết của Đợt 1 được chuyển sang Đợt chào bán này.

5. Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá:

Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá là: **980.870.000.000 VND** (Chín trăm tám mươi tỷ, tám trăm bảy mươi triệu đồng).

6. Kỳ hạn trái phiếu:

07 (bảy) năm kể từ ngày phát hành

7. Lãi suất:

Đợt phát hành	Số lượng trái phiếu	Giá trị phát hành (theo mệnh giá)	Lãi suất (/năm)
Đợt 2	9.808.700	980.870.000.000 đồng	8,6%

Lãi suất Trái Phiếu trong trường hợp thanh toán trước hạn được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành (nếu có).

8. Kế hoạch sử dụng vốn

Đợt phát hành	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN	SỐ TIỀN	TIỀN ĐỘ SỬ DỤNG VỐN
1	Bổ sung vốn cho vay trung – dài hạn dành cho Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức	980.870.000.000	Từ Quý 2/2022

9. Đăng ký trái phiếu tập trung và niêm yết trái phiếu:

Trái phiếu do BVB chào bán ra công chúng sẽ được đăng ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (tên gọi cũ là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam) và niêm yết trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sau khi kết thúc đợt chào bán.

10. Giá chào bán dự kiến:

100.000 VND (một trăm nghìn đồng)/Trái phiếu

11. Mua lại trái phiếu trước hạn:

- Tổ chức phát hành có thể mua lại trước hạn tối đa 100% khối lượng Trái phiếu đã phát hành kể từ Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc tại ngày mua lại khác phù hợp với điều kiện, điều khoản trái phiếu. Số tiền thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu khi BVB thực hiện việc mua lại, bao gồm: 100% mệnh giá và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán sau khi đã khấu trừ thuế thu nhập cá nhân (đối với nhà đầu tư là cá nhân) và các phí có liên quan (nếu có) theo biểu phí dịch vụ của Tổ Chức Phát Hành trong từng thời kỳ.
- Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu kể từ Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành và nhận được 100% khoản tiền Gốc Trái Phiếu do mình sở hữu; khi đó Trái Phiếu sẽ bị hủy bỏ và các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu liên quan sẽ tự động hết hiệu lực lưu hành.
- Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại là ngày tròn 18 (mười tám) tháng kể từ ngày phát hành.
- Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo việc mua lại trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành ít nhất 10 (ngày) nhưng không sớm hơn 60 (sáu mươi) ngày trước Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu tương ứng. Trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được thông báo mua lại của Tổ Chức Phát Hành mà không do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc không thực hiện đủ các thủ tục cần thiết để thực hiện việc bán lại Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành (nếu có), Người Sở Hữu Trái Phiếu vẫn có nghĩa vụ bán lại toàn bộ số Trái Phiếu đang sở hữu cho Tổ Chức Phát Hành và tiền thanh toán mua lại Trái Phiếu sẽ được chuyển vào tài khoản được đăng ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi nhận tại Tổ Chức Phát Hành hoặc thông qua các Thành viên lưu ký nơi Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tài khoản lưu ký.
- Trong phạm vi các Văn bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan yêu cầu, Tổ Chức Phát Hành sẽ có quyền khấu trừ hoặc giữ lại các khoản thuế, nghĩa vụ thuế, phí và chi phí từ bất kỳ khoản nào phải thanh toán cho các Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Khoản, Điều Khoản Trái Phiếu này để nộp cho Cơ quan Nhà nước nêu trên theo quy định.

12. Phương thức phân phối:

Phương thức phân phối

Việc phân phối trái phiếu được Tổ Chức Phát Hành thực hiện một cách công bằng, công khai và bảo đảm thời hạn đăng ký mua trái phiếu cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 ngày. BVB phân phối

trực tiếp thông qua các PGD/CN của BVB.

- **Trách nhiệm của BVB khi thực hiện phân phối trái phiếu**

- Triển khai việc phân phối trái phiếu thông qua các PGD/CN của BVB sau khi được UBCKNN có văn bản về việc phát hành Trái phiếu Đợt 2.
- Chuyển tài liệu cần thiết liên quan tới việc phát hành Trái Phiếu cho Nhà đầu tư trong phạm vi phù hợp với quy định của pháp luật và phương án phát hành Trái Phiếu.
- Nhận đăng ký đặt mua Trái Phiếu từ Nhà đầu tư thông qua các PGD/CN của BVB.
- Phân bổ số lượng trái phiếu được mua tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư trong trường hợp số lượng trái phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng trái phiếu được phép chào bán.
- Tổng hợp số lượng trái phiếu được phân phối để báo cáo kết quả đến UBCKNN.
- Thực hiện các công việc khác cần thiết để bảo đảm thành công của đợt chào bán, phân phối Trái Phiếu.

13. Đăng ký mua trái phiếu:

13.1. Số lượng đăng ký mua tối thiểu:

- Đối với nhà đầu tư là cá nhân: Số lượng đặt mua tối thiểu 100 (một trăm) trái phiếu hoặc bội số của 100 (một trăm) Trái phiếu.
- Đối với nhà đầu tư là tổ chức kinh tế: Số lượng đặt mua tối thiểu 1.000 (một nghìn) trái phiếu hoặc bội số của 1.000 (một nghìn) trái phiếu.

13.2. Thời hạn đặt mua:

Việc đăng ký mua Trái Phiếu sẽ được thông báo ngay sau khi Tổ Chức Phát Hành nhận được văn bản của UBCKNN về việc chào bán Trái Phiếu ra công chúng. Thời gian dự kiến để các nhà đầu tư đăng ký và thanh toán tiền mua Trái phiếu trong đợt phát hành tối thiểu là 20 (hai mươi ngày).

13.3. Phương thức đăng ký mua và thanh toán:

- Trái phiếu sẽ được phân bổ cho các nhà đầu tư theo nguyên tắc công khai, công bằng.
- Nhà đầu tư sẽ đăng ký mua, thanh toán trực tiếp tại các Chi nhánh/ Phòng giao dịch của Tổ Chức Phát Hành.
- Thời hạn đăng ký mua và thanh toán tiền mua Trái Phiếu: theo công bố của Tổ Chức Phát Hành tại Bản thông báo phát hành sau khi được UBCKNN chấp thuận việc chào bán.

- Trường hợp tổng số lượng Trái phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng Trái Phiếu được phép phát hành thì Tổ Chức Phát Hành phải phân phối số Trái Phiếu được phép phát hành cho Nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng Nhà đầu tư. Số lượng Trái phiếu phân bổ cho các nhà đầu tư theo tỷ lệ đăng ký mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng trăm và/hoặc hàng nghìn, đồng thời tổng số lượng Trái phiếu phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư không vượt quá tổng số lượng Trái phiếu đăng ký chào bán, cụ thể như sau:

- Số lượng Trái phiếu phân bổ cho các nhà đầu tư cá nhân theo tỷ lệ đăng ký: sẽ được làm tròn xuống đến hàng trăm (**100 Trái phiếu**).
- Số lượng Trái phiếu phân bổ cho các nhà đầu tư tổ chức theo tỷ lệ đăng ký: sẽ được làm tròn xuống đến hàng nghìn (**1.000 Trái phiếu**).

Trường hợp đối với số lượng Trái phiếu còn dư phát sinh sau khi làm tròn xuống theo nguyên tắc trên (nếu có), số Trái phiếu này sẽ được phân bổ đều cho các nhà đầu tư có khối lượng đăng ký mua lớn nhất bằng nhau (phân bổ theo tỷ lệ đăng ký của nhà đầu tư cá nhân và tổ chức so với tổng số lượng đăng ký). Nếu sau khi phân bổ đều theo nguyên tắc trên vẫn phát sinh số Trái phiếu còn dư, thì số Trái phiếu còn lại này sẽ được hủy bỏ và không thực hiện chào bán.

- Để tránh hiểu nhầm, việc đăng ký mua Trái phiếu chỉ được coi là hoàn thành khi Nhà đầu tư đã đăng ký và thanh toán đầy đủ tiền mua Trái phiếu vào Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành.

13.4. Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng Trái Phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu hoặc nộp thừa tiền mua Trái Phiếu:

- Hình thức thực hiện: Chuyển trả các khoản tiền vào tài khoản của nhà đầu tư theo thông tin đã đăng ký, hoặc chuyển trả bằng tiền mặt tại địa điểm mà nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua (trường hợp nhà đầu tư không có tài khoản ngân hàng).
- Thời gian thực hiện: Trong vòng 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày có văn bản của UBCKNN về việc nhận được báo cáo kết quả chào bán và Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu được giải tỏa.

14. Lịch trình dự kiến phân phối trái phiếu:

Lịch trình chào bán Trái Phiếu Đợt 2 (dự kiến Quý 2/2022):

STT	Nội Dung	Thời Gian Dự Kiến
1	Tổ Chức Phát Hành nhận văn bản của UBCKNN về việc Chào	T1

	Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng Đợt 2	
2	Tổ Chức Phát hành công bố thông tin về chào bán Trái Phiếu Đợt 2	T1+3
3	Tổ Chức Phát hành thực hiện phân phối Trái Phiếu Đợt 2	T1+3 đến T1+23
-	Thời hạn bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu và thanh toán dự kiến	T1+3
-	Thời hạn cuối cùng nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu và thanh toán dự kiến	T1+23
4	Ngày Phát Hành	T1+23
5	Tổ Chức Phát Hành thực hiện báo cáo kết quả phát hành Đợt 2 cho UBCKNN và thực hiện công bố thông tin về kết quả phát hành	Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán
6	UBCKNN ban hành văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN nhận được tài liệu báo cáo kết quả đợt chào bán đầy đủ và hợp lệ
7	Tổ Chức Phát Hành giải tỏa tiền từ Tài Khoản Phong Tỏa	
8	Cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái phiếu cho nhà đầu tư	Trong vòng 30 (ba mươi) Ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

15. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu:

- Tên Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN TP.HCM
- Địa chỉ: Tòa nhà VCB, số 05 – Công trường Mê Linh, Quận 1, TP.HCM
- Số tài khoản: 1023752050
- Chủ tài khoản: Ngân hàng TMCP Bản Việt

16. Thông tin về các cam kết:

16.1. Nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành

- Phát hành Trái Phiếu cho Nhà Đầu Tư phù hợp với các quy định của Các Điều Khoản, Điều Khoản Trái Phiếu và Văn Kiện Trái Phiếu;

- Đáp ứng đầy đủ các điều kiện phát hành Trái Phiếu quy định tại các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan tại Ngày Phát Hành;
- Tính toán tiền Lãi và/hoặc Gốc phải trả cho mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu vào Ngày Thanh Toán Lãi, Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Ngày Đáo Hạn hoặc ngày đến hạn khác phù hợp với Các Điều Kiện, Điều Khoản Trái Phiếu;
- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số tiền Gốc, Lãi và các khoản thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho Người Sở Hữu Trái Phiếu khi Người Sở Hữu Trái Phiếu có nhu cầu thanh toán, chuyển nhượng, sử dụng làm tài sản đảm bảo hoặc chiết khấu Trái Phiếu;
- Đối với các Trái Phiếu chưa thực hiện lưu ký, nếu Giấy Chứng Nhận Sở Hữu Trái Phiếu thất lạc, mất cắp, rách nát, hư hại hoặc bị phá hủy thì Người Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan được Tổ Chức Phát Hành cấp lại Giấy Chứng Nhận Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Kiện, Điều Khoản Trái phiếu.
- Giữ bí mật thông tin về số dư Trái Phiếu và các giao dịch về Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với quy định của pháp luật;
- Báo cáo NHNN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về giao dịch phát hành Trái Phiếu theo quy định của pháp luật;
- Tuân thủ quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền trong quá trình phát hành Trái Phiếu và khi thực hiện các giao dịch liên quan đến việc phát hành Trái Phiếu. Nghĩa vụ này không áp dụng cho các giao dịch liên quan đến Trái Phiếu giao dịch trên thị trường thứ cấp;
- Sử dụng nguồn vốn huy động được từ việc phát hành Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Kiện, Điều Khoản Trái Phiếu và quy định của pháp luật;
- Các nghĩa vụ khác theo Các Điều Kiện, Điều Khoản Trái Phiếu, Văn Kiện Trái Phiếu và quy định của pháp luật

16.2. Cam kết nghĩa vụ thực hiện niêm yết trái phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán:

- Sau khi kết thúc đợt phát hành, BVB sẽ thực hiện niêm yết Các Trái phiếu, hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc các đợt chào bán trái phiếu ra công chúng.

BVB sẽ duy trì việc niêm yết trái phiếu chừng nào còn bất kỳ Trái Phiếu đang lưu hành trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

Viet Capital
Bank

Ngân hàng Bản Việt

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH KIỂM

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÝ CÔNG NHA

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGÔ QUANG TRUNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LÊ ANH TÀI

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

ACBS

TỔNG GIÁM ĐỐC



HUỲNH DUY SANG

